

**TÒA ÁN NHÂN NHÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số:158/2019/DS-PT

Ngày 29-05-2019

V/v tranh chấp:“Hợp đồng
mua bán tài sản và đặt cọc”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Sum.

Ông Nguyễn Song Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh-Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLPT- DS ngày 22 tháng 04 năm 2019 về tranh chấp:“Hợp đồng mua bán tài sản và đặt cọc”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 343/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ là luật sư Trần Công Ly T - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là chị **Đỗ Thị Thanh T**, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2018) (có mặt);

Địa chỉ: ấp I, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Ngày 04/3/2017 giữa bà và anh Đỗ Thanh T thỏa thuận là anh T gia công cửa cho bà, tất cả là nhôm hiệu Tungkuang, kính cường lực dày 10mm, giá 1.350.000 đồng/m², sản phẩm như sau:

Quy cách hệ 1.000 (10cm) gồm: 02 bộ cửa lớn (cửa cái) mỗi bộ có 02 cánh, kích thước 1,75m x 2,32m và 04 bộ cửa phòng, mỗi bộ có 01 cánh, kích thước 0,88m x 2,32m.

Quy cách hệ 700 (07cm) gồm: 02 bộ cửa sổ, mỗi bộ có 04 cánh, kích thước 1,75m x 1,32m.

Giao dịch có làm giấy tay cho anh T viết, ký tên và bà đặt cọc cho anh T 10.000.000 đồng cùng ngày 04/3/2017.

Ngày 04/4/2017 anh T giao toàn bộ khung bao cửa và bà tiếp tục đặt cọc cho anh T 10.000.000 đồng nữa. Sau đó, bà cho thợ hồ gắn toàn bộ khung bao cửa vào tường.

Ngày 15/5/2017 anh T đem cánh cửa (chưa lắp kính cường lực) đến nhà bà để gắn vào khung bao. Khi anh T và thợ gắn được một bộ cửa cái, 01 bộ cửa sổ và 03 cửa phòng thì gia đình bà phát hiện anh T không thực hiện đúng hợp đồng, cụ thể là 06 khung bao cửa hệ 700 chứ không phải hệ 1.000 như thỏa thuận nên bà không cho anh T gắn cửa tiếp. Bà thương lượng là nếu anh T muốn tiếp tục gắn cửa thì phải giảm tiền cho bà (vì không thể ráp khung bao cửa hệ 700 mà tính tiền giá khung bao cửa hệ 1000). Do anh T không đồng ý nên bà đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết. Tại buổi hòa giải ở Ủy ban xã E cho thời gian 01 tuần để hai bên thương lượng, nhưng hết thời gian đó anh T không đến gặp bà để thỏa thuận và cũng không tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Nay bà yêu cầu hủy bỏ hợp đồng gia công giữa bà và anh T, anh T phải trả lại số tiền đã đặt cọc, anh T phải tự tháo dỡ, nhận lại toàn bộ khung bao cửa và bồi thường thiệt hại gây ra cho nhà bà trong việc tháo dỡ.

Đến ngày 08/3/2018 bà Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T phải trả tiền phạt cọc 20.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Đ rút lại yêu cầu anh T phải trả tiền phạt cọc 20.000.000 đồng, không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng. Bà yêu cầu hủy bỏ hợp đồng giữa bà và anh T, buộc anh T phải trả lại cho bà số tiền cọc 20.000.000 đồng, anh T phải tự tháo dỡ khung bao cửa và nhận lại toàn bộ sản phẩm đã giao, giá trị thiệt hại gây ra cho nhà bà, việc tháo dỡ thì bà và anh T chia đôi.

Bị đơn anh Đỗ Thanh T trình bày:

Giữa anh và bà Đ có thỏa thuận giao kết hợp đồng gia công cửa nhôm với chủng loại, qui cách, số lượng như bà Đ trình bày là đúng, anh đã nhận tiền cọc 20.000.000 đồng. Giấy tay bà Đ cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của anh. Vào ngày 29/3/2017 bà Đ yêu cầu anh giao khung bao cửa, đến ngày 04/4/2017 thì anh giao toàn bộ khung bao cửa theo yêu cầu của bà Đ, bà Đ cho thợ hồ lắp toàn bộ khung bao cửa vào tường. Do trước đó thợ hồ đổ đà bị sai làm cho chiều cao của cửa phòng thấp hơn nhiều so với chiều cao của khung bao cửa nên bà Đ nhờ anh cắt bớt chiều cao của khung bao và anh đã thực hiện theo yêu cầu của bà.

Khi anh tiến hành gắn cửa vào khung bao thì bà Đ ngăn cản không cho anh thực hiện. Bà cho rằng anh tự ý không tiếp tục làm cửa cho bà là không đúng. Anh T đã gia công khung bao cửa đúng hợp đồng vì giữa anh và bà Đ có thỏa thuận miệng gia công cánh cửa là nhôm hệ 1.000 còn khung bao cửa là nhôm hệ 700 và với quy cách như thế thì mới có giá là 1.350.000 đồng/m² cửa nhôm loại Tungkuang.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của anh T là chị Đỗ Thị Thanh T thừa nhận toàn bộ khung bao cửa anh T gia công hệ 700 là đã thực hiện không đúng hợp đồng giữa hai bên. Tuy nhiên anh T không đồng ý theo yêu cầu của bà Đ vì bà Đ đã cho gắn khung bao cửa vào tường bằng cách lắp hồ vào gáy khung bao, nếu tháo dỡ khung bao cửa sẽ bị hư hỏng, ngoài ra khung bao cửa phòng anh T đã cắt giảm bớt chiều cao theo yêu cầu của bà Đ, khi gia công cửa cũng cắt bớt chiều cao nên cửa phòng hiện không còn đúng quy cách thông thường sử dụng và không thể bán lại cho người khác. Anh T yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng với bà Đ. Nếu bà Đ không đồng ý thì phải trả tiền các sản phẩm mà anh T đã giao, trừ vào tiền đặt cọc, số tiền vượt quá anh T không yêu cầu bà Đ trả tiếp, anh T tự nguyện hỗ trợ cho bà Đ 5.000.000 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 343/2018/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ Điều 542, khoản 2 Điều 551 và khoản 4 Điều 422 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc hủy bỏ hợp đồng gia công giữa bà Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Thanh T.

2. Chấm dứt hợp đồng gia công giữa bà Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Thanh T.

Anh Đỗ Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 5.000.000 đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian thi hành án.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc anh Đỗ Thanh T có nghĩa vụ trả số tiền phạt cọc 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Đ, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 17/11/2018 bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà: Hủy hợp đồng gia công giữa bà và anh T, buộc anh T phải tháo dỡ nhận lại toàn bộ sản phẩm đã giao, bồi thường thiệt hại phát sinh từ việc tháo dỡ, trả lại cho bà số tiền đặt cọc 20.000.000 đồng và phạt cọc 20.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ có ý kiến cho rằng, phía nguyên đơn thừa nhận có sai sót về qui cách sản phẩm đã giao như lời trình bày của bà Đ. Vì thế, theo quy định của pháp luật thì bà Đ có quyền yêu cầu hủy hợp đồng, buộc ông T trả lại số tiền 20.000.000 đồng đã nhận; ông T có quyền đòi lại số tài sản đã giao cho bà Đ. Do anh T vi phạm dẫn đến hủy hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà Đ đề nghị buộc anh T phải chịu mọi phí tháo dỡ, khắc phục hiện trạng tường nhà và phải chịu phạt cọc là có căn cứ. Trong trường hợp xét thấy cần thiết phải giám định thiệt hại thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm để tiến hành giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

Chị Đỗ Thị Thanh T – đại diện ủy quyền cho bị đơn anh Đỗ Thanh T có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ý kiến của bị đơn anh Đỗ Thanh T thì đối tượng của hợp đồng là tài sản – cửa nhôm theo qui cách các bên thỏa thuận được sản xuất hoàn thiện và bà Đ yêu cầu buộc anh T trả lại số tiền cọc đã nhận, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và đặt cọc*”. Thế nhưng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng gia công*” và căn cứ các qui định của Bộ luật Dân sự tương ứng để giải quyết tranh chấp là không đúng và thiếu sót. Xét sai sót trên không gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của các bên đương sự nên điều chỉnh lại cho phù hợp.

[2] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện, ngày 04/3/2017 bà Đ và anh T có thỏa thuận mua bán cửa sắt kéo và cửa nhôm, kính. Theo thỏa thuận, anh T bán cho bà Đ các loại cửa thành phẩm theo qui cách và kích thước phù hợp với yêu cầu của bà Đ. Trong đó, phần cửa nhôm nhãn hiệu Tungkuang, kính cường lực dày 10mm, giá 1.350.000 đồng/m² với qui cách cụ thể như sau:

- Hệ 1.000 (10cm) gồm: 02 bộ cửa đi, mỗi bộ 02 cánh, kích thước 1,75m x 2,32m; 04 bộ cửa phòng, mỗi bộ 01 cánh, kích thước 0,88m x 2,32m.

- Hệ 700 (07cm) gồm: 02 bộ cửa sổ, mỗi bộ có 04 cánh, kích thước 1,75m x 1,32m.

Giao dịch có lập thành văn bản là giấy viết tay do anh T viết, ký tên và ký nhận 20.000.000 đồng (ngày 04/3/2017 nhận 10.000.000 đồng và 04/4/2017 nhận 10.000.000 đồng).

Ngày 04/4/2017, anh T giao toàn bộ khung bao gồm: 02 cửa cái, 04 cửa phòng, 02 cửa sổ và bà Đ đã giao cho thợ xây lắp đặt khung cửa vào tường. Đến ngày 15/5/2017, anh T đem cánh cửa (chưa lắp kính cường lực) lắp đặt hoàn thiện thì gia đình bà Đ phát hiện phần khung bao cửa cái và cửa phòng qui cách hệ 700, không đúng hệ 1.000 như thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đ và ý kiến đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ, nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại

phiên tòa phúc thẩm các bên thống nhất thừa nhận, khung bao cửa cái và cửa phòng anh T giao cho bà Đ qui cách hệ 700, không đúng hệ 1.000 như thỏa thuận.

Theo khoản 2 Điều 445 Bộ luật Dân sự đã qui định: *“Bên bán phải đảm bảo vật bán phù hợp với sự mô tả trên bao bì, nhãn hiệu hàng hóa hoặc phù hợp với mẫu mà bên mua đã lựa chọn”*. Xét bà Đ và anh T thỏa thuận khung bao cửa cái, cửa phòng qui cách hệ 1.000 nhưng anh T lại giao sản phẩm hệ 700, nên bản án sơ thẩm xác định lỗi thuộc về anh T là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy, tại khoản 1 Điều 9 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định về nghĩa vụ của người tiêu dùng là *“Kiểm tra hàng hóa trước khi nhận”*. Do bà Đ đã nhận và các khung cửa đã được thợ xây cố định bằng vữa xi măng vào tường; Kích thước khung bao cửa phòng đã bị anh T cắt bớt theo yêu cầu của bà Đ nên không còn đúng chuẩn thông dụng trên thị trường. Vì thế, bản án sơ thẩm xác định phía bà Đ cũng có lỗi là phù hợp.

Theo kết quả xác minh (Bút lục 110 đến 117) thì việc gắn cửa hệ 1.000 vào khung bao hệ 700 không ảnh hưởng gì đến chất lượng công trình và sử dụng. Do đó, việc buộc anh T phải tháo dỡ nhận lại sản phẩm và khắc phục hiện trạng tường nhà sau khi tháo dỡ sẽ gây ảnh hưởng lớn đến lợi ích của các bên. Vì thế, bản án sơ thẩm không buộc anh T tháo dỡ, nhận lại tài sản theo yêu cầu của bà Đ; khấu trừ giá trị tài sản bà Đ đã nhận với số tiền anh T ứng; ghi nhận anh T hỗ trợ cho bà Đ số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà Đ và ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ đề nghị buộc anh T có nghĩa vụ tháo dỡ nhận lại tài sản và chịu mọi phí tổn cho việc tháo dỡ, khắc phục hiện trạng tường nhà là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

Đối với yêu cầu phạt cọc, nhận thấy: Các bên thống nhất thừa nhận, sau khi thỏa thuận về qui cách, số lượng, kích thước và giá cả mua bán thì bà Đ đã đưa cho T 10.000.000 đồng và đến ngày 04/4/2017 bà Đ đưa tiếp 10.000.000 đồng, tổng cộng là 20.000.000 đồng. Theo bà Đ, số tiền 20.000.000 đồng mà bà đã đưa cho anh T là tiền đặt cọc. Xét thấy, theo qui định của Điều 328 Bộ luật Dân sự thì đặt cọc là để đảm bảo cho việc giao kết hoặc thực hiện hợp đồng giữa các bên. Thế nhưng, trên thực tế thì việc mua bán đã được các bên thỏa thuận trước khi bà Đ đưa tiền cho anh T, nên số tiền bà Đ đã đưa cho anh T không vì mục đích đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng. Đồng thời, qua xem xét tài liệu (Bút lục 93) đã thể hiện: *“ngày 4-3-2017 Thanh T ứng 10.000.000đ; Thanh T ứng 10.000.000đ ngày 4-4-2017”*. Như vậy, tổng số tiền 20.000.000 đồng mà anh T đã nhận là tiền ứng, không phải là tiền đặt cọc như bà Đ trình bày. Xét số tiền 20.000.000 đồng anh T đã nhận được khấu trừ vào số tài sản mà anh T đã giao cho bà Đ như nhận định

phần trên, nên bà Đ yêu cầu buộc anh T trả lại tiền là không phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay bà Đ có ý kiến cho rằng, Thẩm phán tòa sơ thẩm đã giải thích ép bà rút yêu cầu khởi kiện phạt tiền đặt cọc đối với anh T nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, bà Đ không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà. Vì thế, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đ, ý kiến đề nghị của luật sư, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 343/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 385, 430, 445 và khoản 4 Điều 422 Bộ luật Dân sự; Điều 147, 148, khoản 2 Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc hủy bỏ hợp đồng mua bán tài sản (cửa nhôm, kính) với anh Đỗ Thanh T lập ngày 03/3/2017.

2. Ghi nhận thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Đ và anh Đỗ Thanh T về việc chấm dứt việc thực hiện hợp đồng mua bán tài sản (cửa nhôm, kính) ngày 03/3/2017.

Ghi nhận anh Đỗ Thanh T hỗ trợ thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 5.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về phạt tiền đặt cọc 20.000.000 đồng đối với anh Đỗ Thanh T.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 600.000 đồng. Bà Đ đã nộp 800.000 đồng dự phí theo biên lai thu số 38090 ngày 10/10/2017 và số 39850 ngày 22/11/2018 của Chi cục hành án dân sự huyện C nên được hoàn lại số tiền 200.000 đồng.

- Hoàn lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu số 39268 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

- Anh Đỗ Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Tuyên án vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 29/5/2019 có mặt chị Đỗ Thị Thanh T./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Tuấn